



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Văn phòng chính

Địa chỉ: Tầng 3 TT Hội nghị Công đoàn,
số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-3818 1888

Fax: 84-4-3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>

Chi nhánh Tp.HCM

Địa chỉ: 236-238 Nguyễn Công Trứ, Quận I,
TP.HCM

Điện thoại: 84-8-3945 1368

Fax: 84-8-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 97 đường Lê Lợi, Quận Hải Châu,
TP.Đà Nẵng

Điện thoại: 0511 3525 777

Fax: 0511 3523 779

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1. Rủi ro về kinh tế	3
2. Rủi ro về luật pháp	4
3. Rủi ro hoạt động kinh doanh	5
4. Rủi ro khác	6
II. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN THỎA THUẬN	6
1. Tổ chức chào bán	6
2. Cổ phần chào bán thỏa thuận	7
3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần	7
III. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	7
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	8
V. CÁC KHÁI NIỆM	8
VI. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	9
1. Thông tin chung về doanh nghiệp	9
2. Mô hình tổ chức và hoạt động của Tổng công ty	12
3. Cơ cấu cổ đông	14
4. Sản phẩm và dịch vụ	14
5. Chi phí kinh doanh	16
6. Năng lực của Công ty	17
7. Một số dự án đã và đang thực hiện	20
8. Vị thế Tổng công ty trong ngành	21
9. Tình hình lao động và sử dụng lao động đến 30/9/2014	23
10. Chính sách cổ tức	24
11. Tình hình sử dụng đất đai của Tổng Công ty	24
12. Tình hình tài chính	29
13. Tình hình tài sản	30
14. Kế hoạch và các chỉ tiêu kinh tế năm 2014, 2015	30
15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	34
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	41
VII. THAY LỜI KẾT	41

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

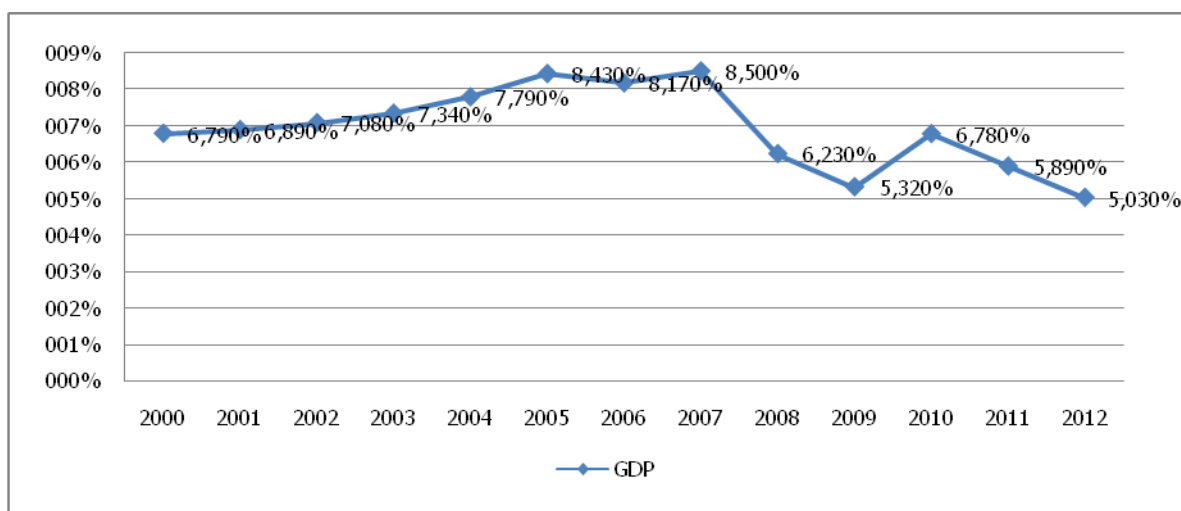
1. Rủi ro về kinh tế

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng dần trong những năm 2000 – 2007 với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 7,8%. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009, 2010 và 2011 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32%, 6,78% và 5,89%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,03%, thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số).

Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Theo dự báo trong năm 2014, tăng trưởng GDP sẽ ở mức 5,6%. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng GDP vẫn còn chậm so với mục tiêu đề ra.

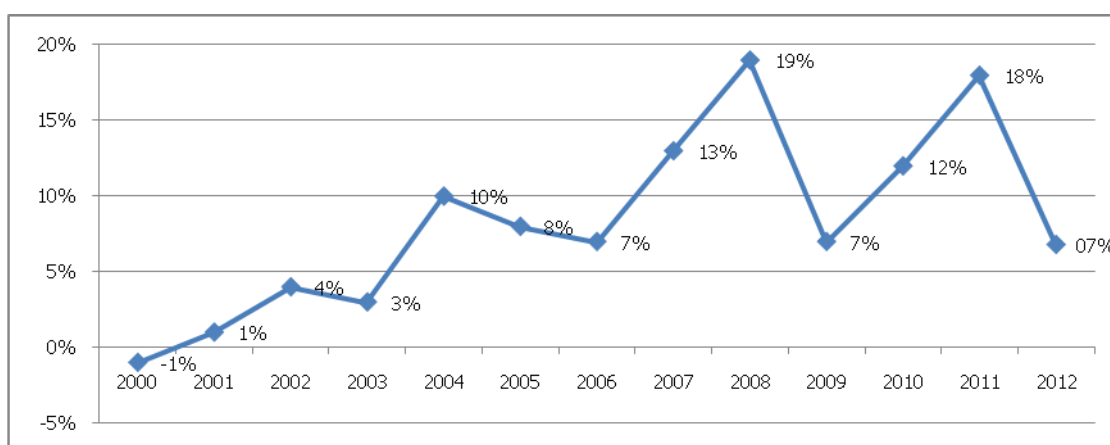
Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

❖ **Lạm phát:**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí sản xuất kinh doanh khác. Tại Việt Nam, tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 19,87%. Mặc dù năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, bước sang năm 2010 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam tăng trở lại 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan với tỷ lệ lạm phát của cả năm 2012 dừng lại tại mức 6,8%.

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước, song vẫn thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm ngoái. Trong năm 2013, cung cầu hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, giá một số hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, xi măng, ... ở mức ổn định. Lạm phát 9 tháng đầu năm được giữ ổn định ở mức thấp trong hơn 2 năm qua, so với cuối năm 2013 chỉ ở mức tăng 2,25%. Lạm phát cơ bản vẫn trong xu hướng giảm kể từ 1 năm qua và giảm xuống còn 3,12% trong tháng 9 năm 2014 so với cùng kỳ.

2. **Rủi ro về luật pháp**

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì

vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây lên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Tổng Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

3. Rủi ro hoạt động kinh doanh

❖ *Rủi ro hoạt động*

Đặc thù hoạt động của Tổng công ty là thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này Tổng công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

❖ *Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào*

Với đặc thù của một đơn vị thi công xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Tổng công ty chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí, bên cạnh đó công nghệ thi công của Tổng công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Tổng công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như nhựa đường, xi măng, sắt thép, vật liệu nổ, giá xăng dầu,... đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Tổng công ty. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Tổng công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp,... nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

❖ *Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:*

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận

thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ **Rủi ro về mặt kỹ thuật:**

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo. Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Tổng công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ **Rủi ro về lãi suất và khả năng thanh toán:**

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay, do đó Tổng công ty phải huy động vốn từ các nguồn bên ngoài, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Vay nợ, đặc biệt là các khoản nợ dài hạn ngân hàng, Tổng công ty phải trả chi phí lãi vay nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng. Để khắc phục những tồn tại trên Tổng công ty đã và đang thực hiện các biện pháp bước đầu mang lại hiệu quả như: kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

4. **Rủi ro khác**

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,.. Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

II. **THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN THỎA THUẬN**

1. **Tổ chức chào bán**

Tên Công ty	:	Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP (CIENCO 1)
Địa chỉ	:	Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	043.8350930
Fax	:	043.7721232
Vốn điều lệ	:	700.000.000.000 đồng
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng cổ phần	:	70.000.000 cổ phần

2. Cổ phần chào bán thỏa thuận

Số lượng cổ phần chào bán thỏa thuận	: 24.500.000 cổ phần, chiếm 35% VDL
Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông
Hình thức chào bán	: Bán thỏa thuận trực tiếp trọn lô
Giá chào bán thỏa thuận	: 10.023 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký	: Đăng ký mua trọn lô 24.500.000 cổ phần

3. Công bố thông tin về tổ chức đăng ký mua cổ phần

Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia mua cổ phần, nhận tiền đặt cọc: Theo quy chế chào bán thỏa thuận cổ phần Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành.

III. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

- ❖ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ❖ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- ❖ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- ❖ Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- ❖ Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/03/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- ❖ Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;
- ❖ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/06/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;
- ❖ Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;
- ❖ Công văn số 6426/VPCP – ĐMDN ngày 21/08/2014 của Văn phòng chính phủ về việc thoái vốn nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty thuộc Bộ giao thông vận tải sau cổ phần hóa;
- ❖ Công văn số 13157/BGTVT-QLDN ngày 17/10/2014 của Bộ giao thông vận tải về việc lựa chọn tổ chức tư vấn thực hiện thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;

- ❖ Hợp đồng tư vấn số 36/2014/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 03/11/2014 giữa Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- 1. Người đại diện vốn của Nhà nước tại Tổng công ty:**

Ông Phạm Dũng

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 2. Tổ chức chào bán: TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP**

Ông Cấn Hồng Lai

Chức vụ: Tổng giám đốc

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP trước khi đăng ký tham dự mua cổ phần.

- 3. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)**

Ông Vũ Đức Tiến

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP cung cấp.

V. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- ♦ Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP về những nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần;
- ♦ Tổng công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;
- ♦ Cienco1: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;
- ♦ SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
- ♦ Cổ đông: Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;
- ♦ Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;

- ♦ **Cổ tức:** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính;
- ♦ **Điều lệ:** Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;
- ♦ **Năm tài chính:** Tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm;
- ♦ **Vốn điều lệ:** Số vốn do cổ đông góp được ghi trong Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như Quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

VI. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung về doanh nghiệp

❖ Thông tin khái quát

- **Tên doanh nghiệp** **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP**
- **Tên tiếng Anh** Civil Engineering Construction Corporation No1- Joint Stock Company
- **Tên giao dịch** Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP
- **Địa chỉ** 623 La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- **Điện thoại** 043.835 0930
- **Fax** 043.772 1232
- **Ngành nghề chính** Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp trong và ngoài nước
- **Vốn điều lệ** **700.000.000.000 đồng (Bảy trăm tỷ đồng chẵn)**

❖ Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP (CIENCO1) được chuyển đổi từ Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1. Trước đây, Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 là Ban Xây dựng miền Tây, được thành lập ngày 03/08/1964. Qua 50 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 đã nhiều lần thay đổi về tên gọi như sau:

- ❖ Cục công trình II
- ❖ Xí nghiệp liên hiệp công trình II
- ❖ Liên hiệp các xí nghiệp giao thông khu vực 1

- ❖ Liên hiệp các xí nghiệp giao thông 1
- ❖ Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1

Tháng 11/1995, Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 được thành lập lại theo Quyết định số 90/CP của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 4895/TCCB – LĐ ngày 27/01/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO1).

Thực hiện Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25/06/2010 của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đã chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 thành Công ty TNHH một thành viên.

Thực hiện Quyết định số 1417/QĐ-BGTVT ngày 19/06/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1, Tổng công ty đã triển khai quyết liệt cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1.

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 06/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 thành công ty cổ phần và Quyết định số 121/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt giá khởi điểm và nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1, Tổng công ty đã tiến hành các thủ tục chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu và chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 06/6/2014.

Tóm tắt quá trình cổ phần hóa Tổng công ty:

- ❖ Ngày 10/10/2014, Bộ Giao thông vận tải đã có Quyết định số 3166/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2013 để cổ phần hóa là 3.133.945.740.865 đồng, trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: 478.367.456.916 đồng.

- ❖ Ngày 06/01/2014, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 25/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 thành công ty cổ phần, cụ thể:

+ Vốn điều lệ của công ty cổ phần: **700.000.000.000 đồng** (Bảy trăm tỷ đồng)

+ Cơ cấu cổ phần của các cổ đông:

- Cổ phần nhà nước: 24.500.000 cổ phần, chiếm 35% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: 7.616.500 cổ phần chiếm 10,88% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 21.700.000 cổ phần, chiếm 31% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán đấu giá công khai là: 16.183.500 cổ phần, chiếm 23,12% vốn điều lệ.

- ❖ Kết quả chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng:
 - Tổng số cổ phần chào bán: 45.500.000 cổ phần (chiếm 65% vốn điều lệ)
 - Số lượng cổ phần đã bán được: 45.500.000 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần chào bán
 - Số lượng NĐT đã mua: 2.033 nhà đầu tư, trong đó:

TT	Đối tượng	Số lượng (nhà đầu tư/người)	Số cổ phần sở hữu (CP)
1	Nhà đầu tư chiến lược	3	21.700.000
2	Cán bộ nhân viên	2.009	7.296.600
3	Bán đấu giá công khai, bán thỏa thuận	21	16.503.400
	Tổng cộng	2.033	45.500.000

- Tổng số tiền thu được: 450.424.879.100 đồng

- ❖ Ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất: 29/4/2014
- ❖ Ngày được cấp Giấy đăng ký kinh doanh hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần: 06/6/2014

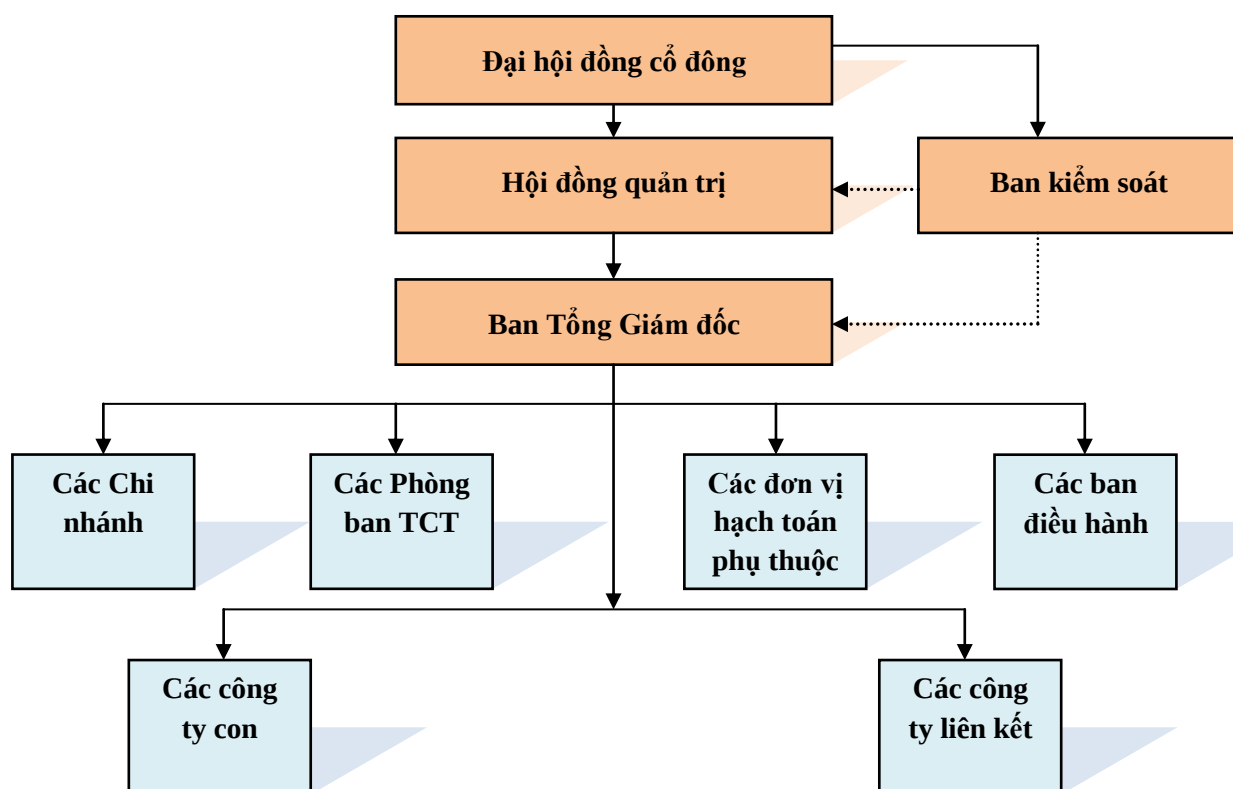
❖ **Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100104274 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần thứ nhất ngày 06/6/2014 như sau:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa hàng bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng
Chi tiết: Thiết kế công trình cầu, đường bộ; Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
Chi tiết: Đại lý giới thiệu việc làm
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động
Chi tiết: Xuất khẩu lao động theo giấy phép số 142/LĐTĐXH-GP ngày 03/7/2008
- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa
- Giáo dục nghề nghiệp:
Chi tiết: Đào tạo công nhân kỹ thuật, nghiệp vụ, xây dựng giao thông, thủy lợi điện
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông; Khảo sát trắc địa công trình; khảo sát địa chất nền móng công trình; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. Mô hình tổ chức và hoạt động của Tổng công ty



- **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Tổng Công ty quy định.
- **Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng Công ty thông qua Ban Điều hành.
- **Ban Kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Tổng Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty, thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng cổ đông tính chính xác, trung thực, hợp pháp về Báo cáo tài chính Tổng Công ty.
- **Ban Tổng Giám đốc:** Do Hội đồng quản trị quyết định và bổ nhiệm. Ban Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành các hoạt động của Tổng Công ty trên cơ sở Điều lệ và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- **Các phòng ban chức năng:** Các phòng ban chức năng có chức năng, nhiệm vụ:
 - Tham mưu cho lãnh đạo công ty theo chức năng được Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty qui định.
 - Xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chức năng.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Chi nhánh trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
 - Tổ chức hoạt động kinh doanh các lĩnh vực được phân công.
- **Các công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết có vốn của Tổng công ty.**

3. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tính đến ngày 30/09/2014:

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	2.032	62.300.000	623.000.000.000	89,00%
1	Cổ đông tổ chức	5	49.594.986	495.949.860.000	70,85%
2	Cổ đông cá nhân	2.027	12.705.014	127.050.140.000	18,15%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài	1	7.700.000	77.000.000.000	11,00%
1	Cổ đông tổ chức	1	7.700.000	77.000.000.000	11,00%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0,00%
	Tổng cộng	2.033	70.000.000	700.000.000.000	100,00%

Nguồn: Cienco1

4. Sản phẩm và dịch vụ

❖ *Ngành nghề chính của Tổng Công ty*

Ngành nghề chính của Tổng Công ty là: Thi công xây lắp cầu, cảng, đường bộ, đường sắt, ... ngoài ra hiện nay Tổng Công ty cũng đang hoạt động thêm trong các lĩnh vực hỗ trợ hoạt động kinh doanh chính như dịch vụ tư vấn thiết kế, thương mại, du lịch, xuất khẩu lao động và thu phí cầu đường bộ.

▪ Thi công cầu, cảng, đường bộ, đường sắt

Đây là mảng kinh doanh chủ lực của Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Trải qua 49 năm phát triển, Tổng Công ty đã xây dựng được thương hiệu hùng mạnh trong lĩnh vực thi công cầu, cảng, đường bộ, đường sắt. Tổng Công ty cũng đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, 10 Huân chương độc lập, 5 cá nhân Anh hùng lao động, 7 công trình được cấp Huy chương vàng về chất lượng cao.

▪ Dịch vụ khác

Bên cạnh các lĩnh vực kinh doanh chủ lực, Tổng Công ty cũng đã tận dụng được tối đa nguồn lực, nhân lực, vật lực để áp dụng sang một số lĩnh vực kinh doanh khác như xây dựng các công trình dân dụng, tòa nhà văn phòng, du lịch và xuất khẩu lao động, Hàng năm mảng hoạt động này cũng đã đóng góp từ 5-7% vào tổng doanh thu của Tổng công ty.

❖ *Cơ cấu Doanh thu thuần:*

Đơn vị: tỷ đồng

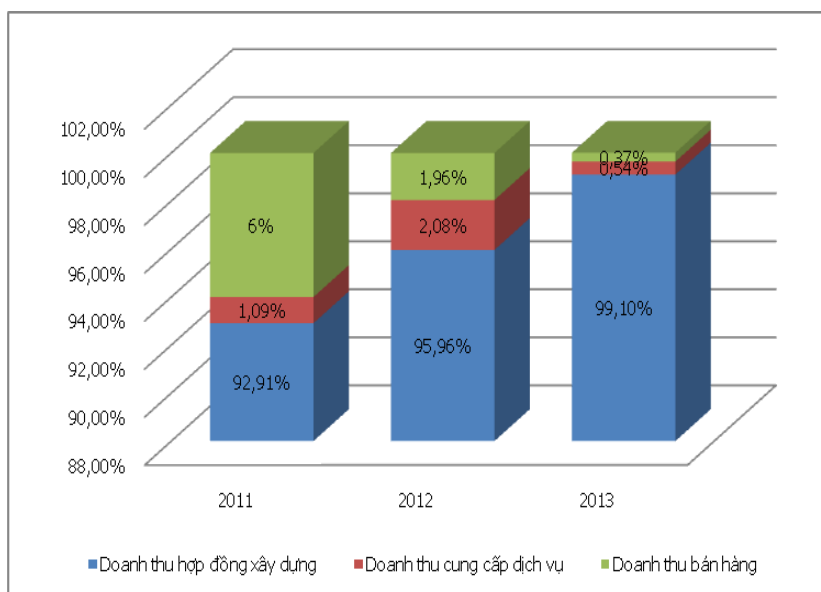
Doanh thu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.583,5	92,91	3.802,5	95,96	4.230	99,10
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30,2	1,09	82,5	2,08	23	0,54
Doanh thu bán hàng	166,9	6,00	77,7	1,96	15,6	0,37
Tổng cộng	2.780,7	100	3.962,7	100	4.268,6	100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2011, 2012, 2013

Cơ cấu doanh thu 2011-2013

Trong cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty, hoạt động thi công cầu cảng, đường bộ và đường sắt chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng qua các năm, lần lượt là 93% (2011), 96% (2012) và 99% (2013).

Nguồn thu từ các dịch vụ khác như doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm tỷ trọng hầu như không đáng kể trong cơ cấu doanh thu của Tổng công ty.



❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp:

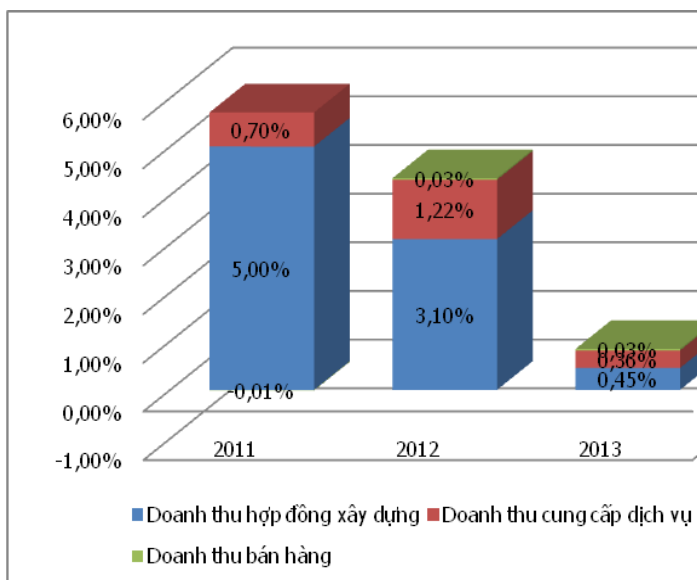
Đơn vị: tỷ đồng

Sản lượng	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
Doanh thu hợp đồng xây dựng	138,9	5,00	122,7	3,10	19,1	0,45
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19,6	0,70	48,2	1,22	15,2	0,36
Doanh thu bán hàng	-0,2	-0,01	1,1	0,03	1,4	0,03
Tổng cộng	158,2	5,69	171,9	4,34	35,7	0,84

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2011, 2012, 2013

Cơ cấu lợi nhuận gộp/DTT 2011-2013

Năm 2013, tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu thuần giảm so với các năm trước. Nguyên nhân do lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2013 bị âm (77 tỷ đồng) do tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (30/06/2013), Tổng Công ty phải thực hiện xử lý tài chính, trong đó có việc quyết toán một số dự án có trượt giá lớn nhưng nguồn bù giá được duyệt không đủ bù đắp dẫn đến chi phí giá vốn hợp đồng tăng mạnh trong khi doanh thu không tăng tương ứng đã dẫn đến việc giá vốn vượt quá doanh thu.



5. Chi phí kinh doanh

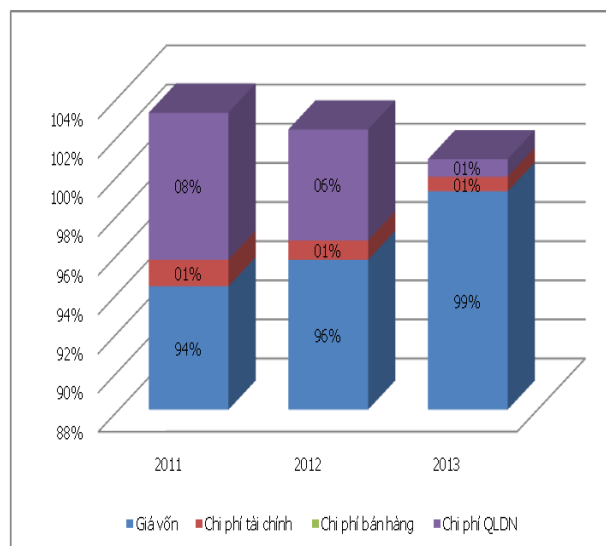
Đơn vị: Triệu đồng

Chi phí	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Giá vốn	2.622.557,3	94,31%	3.790.830,2	95,66%	4.233.031	99,16%
Chi phí tài chính	37.551,5	1,35%	39.206,1	0,99%	32.126	0,75%
Chi phí bán hàng	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Chi phí QLDN	209.049,7	7,52%	224.553,0	5,67%	37.939	0,89%
Tổng cộng	2.869.158,5	103,18%	4.054.589,4	102,32%	4.303.096	100,8%

Nguồn: BCTC 2012, 2013 của Cienco 1

Do đặc thù Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thi công công cầu cảng nên giá vốn chiếm tỷ lệ lớn trong khi các chi phí tài chính và QLDN chiếm tỷ trọng không đáng kể. Tỷ trọng giá vốn được giữ ổn định trong giai đoạn 2011-2012 nhưng tăng mạnh trong năm 2013. Nguyên nhân do tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (30/06/2013), Tổng Công ty phải thực hiện xử lý tài chính, trong đó có việc quyết toán một số dự án có trượt giá lớn nhưng nguồn bù giá được duyệt không đủ bù đắp dẫn đến chi phí giá vốn hợp đồng tăng mạnh trong khi doanh thu không tăng tương ứng đã dẫn đến việc giá vốn tăng cao.

Cơ cấu chi phí qua các năm



6. Năng lực của Công ty

Với bề dày 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công cầu, cảng, đường bộ, đường sắt, Tổng Công ty đã trang bị cho mình được những trang thiết bị cần thiết hiện đại đủ để phục vụ cho tất cả các mục hoạt động sản xuất kinh doanh.

Một số máy móc, thiết bị lớn của Tổng Công ty như sau:

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
I	Văn phòng				
1	Trạm trộn bê tông	Việt Nam	2003	1	1.916.371.882
2	Máy rải bê tông	Đức	2003	1	2.096.298.510
3	Máy rải thảm bê tông SX năm 1996- Seri 31399	Đức	2005	1	1.924.285.714
4	Máy rải thảm bê tông SX năm 1995- Seri 31318	Đức	2005	1	1.894.285.714
5	Máy rải thảm bê tông SX năm 1998- Seri 31458	Đức	2006	1	2.374.285.714
6	Máy xúc CAT 318BL, SK-3LR00575	Đức	2005	1	1.217.304.560
7	Dây chuyền sản xuất đá	Việt Nam	2011	1	3.000.000.000
8	Lu rung Dynapac	Thụy Điển	2011	1	1.105.272.727
9	Lu rung Dynapac	Thụy Điển	2011	1	1.363.636.364
10	Máy xúc bánh lốp	Hàn Quốc	2011	1	1.809.454.545
11	Máy xúc bánh xích	Mỹ	2011	1	1.372.000.000
12	Máy rải thảm bê tông SX năm 1998- Seri 31447		7/26/2005	1	2.300.000.000
II	Trường Trung cấp nghề I				
1	Búa đóng cọc Diesel HD 36	Trung Quốc	2005	1	597.810.970
2	Máy khoan cọc nhồi	Nhật	2004	1	1.555.376.043
3	Lurung YZ14	Trung Quốc	2003	1	459.033.424
4	Máy xúc Hitachi	Nhật	2000	1	485.000.000
III	Chi nhánh Miền Nam				
1	Máy xúc bánh xích Solar	Hàn Quốc	2003	1	1.080.179.190
2	Máy lu rung Bomag	Đức	2003	1	774.353.149

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (VND)
3	Xe san gạt Mitsubishi	Nhật	2003	1	1.359.508.211
IV	Xí nghiệp XDCT1				
1	Trạm biến áp Cầu Làng Đen	Việt Nam	2011	1	601.094.016
2	Trạm biến áp gói 6 NBLC	Việt Nam	2012	1	679.182.727
V	Công ty 123				
1	Lu rung Saikai 2 bánh sắt (Nhật Bản)	Nhật	2009	1	1.768.080.000
2	Lu rung 1 bánh sắt 2 bánh lốp Sakai	Nhật	2009	1	1.114.758.300
3	Lu rung 1 bánh sắt 2 bánh lốp Sakai	Nhật	2009	1	1.114.758.300
4	Máy phát điện Komatsu		2010	1	481.818.182
5	Máy đào bánh xích Komatsu PC2007	Nhật	2009	1	1.321.245.714
6	Trạm trộn bê tông nhựa nóng CS 120T/h	Việt Nam	2010	1	4.390.909.090
7	Máy ủi Komatsu D41P	Nhật	2009	1	830.013.333
8	Máy ủi bánh xích Komatsu	Nhật	2009	1	831.226.667
9	Máy xúc bánh xích CAT 318BL	Đức	2007	1	463.997.660
10	Máy lu rung BOMAG BW 214D-2	Trung Quốc	2007	1	629.107.141
VI	Công ty thi công cơ giới				
1	Máy xúc lật bánh lốp LX 70-2	Nhật	2007	1	414.285.714
2	Kẩu SAMSUNG	Hàn Quốc	2002	1	935.559.432
3	Máy bơm bê tông	Trung Quốc	2011	1	2.956.695.594
4	Máy phát điện 250KVA	Mỹ	2003	1	431.172.848
5	Máy xúc lật KomatsuW150	Nhật	2006	1	591.000.000
6	Cần cẩu bánh xích 60T	Nhật	2003	1	2.220.976.868
7	Máy bơm bê tông	Trung Quốc	2011	1	2.956.695.594
8	Trạm trộn bê tông 60m3/h	Việt Nam	2003	1	1.242.857.200
9	Đầu khoan soilmec RT3 – ST + PK	Ý	2001	1	3.212.174.367

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (VND)
10	Trạm trộn bê tông 60m3/h	Việt Nam	2003	1	1.242.857.200
11	Máy khoan cọc nhồi KH100	Nhật	2003	1	1.000.982.656
12	Máy bơm bê tông 87m3/h	Ý	2003	1	1.325.887.184
13	Đầu khoan Casagrande RM21	Ý	2001	1	3.619.519.066
14	Trạm trộn bê tông	Việt Nam	2008	1	1.194.828.766
15	Cầu trục Tháp 744CS	Pháp	2009	1	1.946.051.385
16	Cầu HITACHI KH180 – 1551	Nhật	2001	1	1.807.164.373
17	Bộ đầu khoan dầu thủy lực R9G	Việt Nam	2009	1	1.695.238.096
18	Trạm trộn bê tông	Việt Nam	2007	1	1.623.833.239
19	Trạm trộn bê tông	Việt Nam	2008	1	1.199.068.298
20	Xe bơm bê tông Deawoo	Hàn Quốc	2003	1	3.209.817.003
21	Máy bơm bê tông 87m3/h	Nhật	2009	1	1.630.476.190
22	Xe ô tô trộn bê tông	Hàn Quốc	2009	1	1.198.678.571
23	Máy cầu bánh xích 50T CX500	Nhật	2009	1	4.154.666.400
24	Máy cầu bánh xích NIPPON SHARYO – DH500 – 5	Nhật	2009	1	3.428.571.429
25	Máy khoan đập cấp JK10	Việt Nam	2009	1	582.991.940
26	Máy khoan đập cấp JK10	Việt Nam	2009	1	582.991.941
27	Bộ khoan QJ250 + PK	Nhật	2001	1	2.983.450.798
28	Bộ khoan QJ250 + PK	Nhật	2001	1	3.001.598.678
29	Máy bơm bê tông	Nhật	2008	1	1.398.700.000
30	Máy cầu Sumitomo SC 500	Nhật Bản	2012	1	2.695.257.491
31	Cần cầu Hitachi KH180	Nhật Bản	2012	1	2.000.000.000
32	Cầu thủy lực bánh xích 55T-SUMITOMO	Việt Nam	2010	1	4.524.545.455
33	Cầu thủy lực bánh xích 50T-IHI	Nhật Bản	2010	1	3.600.000.000
34	Cầu thủy lực bánh xích 40T-SUMITOMO	Nhật Bản	2010	1	2.400.000.000
35	Trạm trộn bê tông xi măng tự động	Việt Nam	2010	1	1.331.818.182
36	Chế tạo giàn H250 khung giá long môn	Việt Nam	2012	1	915.196.666

STT	Tên máy	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá (VNĐ)
37	Thiết bị công trực	Trung Quốc	2012	1	4.289.401.140
38	Giá long môn	Việt Nam	2012	1	994.728.470
39	Trạm trộn bê tông 30m3/h	Việt Nam	2012	1	730.000.000

Nguồn: Cienco 1

7. Một số dự án đã và đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Trị giá (tỷ VNĐ)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ	Đối tác ký hợp đồng
1	Gói CP1A	1.237	2012-2015	Thi công cầu đường sắt	MES-RINKAI-TAISEI
2	Gói CP1B	350	2011-2013	Thi công cầu đường sắt	MES-RINKAI
3	Gói CP1C	1.080	2011-2014	Thi công cầu đường sắt	MES-TAISEI
4	Gói CP3-B dự án 44 cầu đường sắt	640	2014-2016	Thi công cầu đường sắt	MES-TAISEI
5	Cầu Vĩnh Thịnh	1.334	2011-2014	Thi công cầu đường bộ	GS Engineering & Construction
6	Gói 3 Nội Bài - Nhật Tân	784	2012-2014	Thi công cầu đường bộ	HANSIN
7	Cầu Đông Trù	1.195	2009-2014	Thi công cầu đường bộ	Ban QLDA Hạ tầng Tả Ngạn
8	Cầu Vàm Cống	3.100	2013-2017	Thi công cầu đường bộ	GS Engineering & Construction
9	Cầu Rồng	1.700	Đã hoàn thành	Thi công cầu đường bộ	Sở Giao thông vận tải Đà Nẵng
10	Cầu Trần Thị Lý	1.500	Đã hoàn thành	Thi công cầu đường bộ	Sở Giao thông vận tải Đà Nẵng
11	Đường cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên	972	2010-2013	Thi công đường bộ	THANG LONG - CIENCO8
12	Dự án nhà ga T2 Nội Bài	532	2012-2014	Thi công cảng hàng không	TAISEI
13	Nút giao Láng-Hòa Lạc	518	Đã hoàn thành	Thi công đường bộ	Ban Thăng Long
14	Cầu Giẽ-Ninh Bình	721	Đã hoàn thành	Thi công đường bộ	Tổng CT Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam

Nguồn: Cienco1

8. Vị thế Tổng công ty trong ngành

8.1 Vị thế Tổng công ty

+ Về năng lực sản xuất và trình độ công nghệ:

Tổng công ty là đơn vị luôn đi đầu trong công tác ứng dụng khoa học của ngành. Trong thời gian qua Tổng công ty đã đạt được nhiều danh hiệu về ứng dụng công nghệ và nhiều giải thưởng công trình chất lượng cao. Ngoài các công nghệ truyền thống như khoan nhồi, đúc hẫng, dây văng, dự ứng lực, xử lý nền đất yếu, chống sụt trượt,... tiếp tục được Tổng công ty hoàn thiện và tổng kết. Các công nghệ mới đã được Tổng công ty tiếp nhận, ứng dụng trong thời gian qua như: Công nghệ thi công lớp tạo nhám siêu mỏng NOVACHIP, công nghệ cào bóc tái chế nâng cấp kết cấu áo đường ô tô cũ, sản xuất và thi công kết cấu thép, cầu vòm thép và vòm thép nhồi bê tông khẩu độ lớn, khoan đá có cường độ cao và chiều sâu khoan lớn, Probosc làm đường nông thôn,... Đây thực sự sẽ là mũi nhọn, có tính đột phá, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trong thời gian tới.

Lãnh đạo Tổng công ty đã chỉ đạo bộ phận kỹ thuật của Tổng công ty phối hợp chặt chẽ với kỹ thuật các đơn vị, thẩm tra rà soát biện pháp thi công và giải quyết các vướng mắc về kỹ thuật ở các dự án mà Tổng công ty đảm nhận, các dự án Tổng Công ty ủy quyền cũng như các dự án mà các đơn vị làm chủ thể hợp đồng. Chính vì vậy, các vấn đề về kỹ thuật trên tất cả các dự án đều được giải quyết kịp thời với mục tiêu: “Chất lượng – Tiến độ – An toàn – Hiệu quả”.

Xác định chất lượng công trình là sự sống còn của doanh nghiệp, toàn bộ các công trình mà Tổng công ty thi công đều đặc biệt chú trọng về chất lượng, công tác này được chú trọng là chỉ tiêu số một. Giai đoạn vừa qua, nhiều công trình đạt danh hiệu: “Công trình chất lượng cao” do Bộ Xây dựng trao tặng như: Cầu Rạch Miễu, cảng Dung Quất, cầu Hàm Luông, quốc lộ 1A đoạn Hà Nội – Lạng Sơn,...

+ Về thị trường hoạt động:

Hiện nay trên thị trường xây dựng công trình giao thông, những đối thủ cạnh tranh của Tổng Công ty chia thành 2 nhóm là các doanh nghiệp xây dựng trong nước và các doanh nghiệp nước ngoài:

- ❖ **Nhóm đối thủ cạnh tranh trong nước:** Nổi bật là các Tổng công ty xây dựng lớn: CIENCO4, CIENCO5, CIENCO6, CIENCO8, Thăng Long, Sông Đà, Trường Sơn, Licogi... các doanh nghiệp này đã và đang tạo ra sức cạnh tranh quyết liệt và phức tạp trên thị trường xây dựng Việt Nam. Mỗi Tổng công ty có lợi thế riêng về địa bàn hoạt động hoặc chuyên sâu về một lĩnh vực riêng. Qua khảo sát thực tế Tổng công ty vẫn có thể mạnh hơn về năng lực đấu thầu trên các mặt trình độ máy móc thiết bị, tài sản, vốn, nhân lực do vậy sản lượng hàng năm của Tổng Công ty luôn cao hơn các doanh nghiệp nói trên.

Ngoài những Tổng công ty lớn nêu trên còn có các doanh nghiệp độc lập, các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các địa phương. Các doanh nghiệp này quy mô nhỏ, năng lực đấu thầu yếu, nhưng họ lại có quan hệ mật thiết với chính quyền các địa phương, khả năng quyết định nhanh chóng, di chuyển cơ động, am hiểu thị trường giá cả khu vực

do vậy họ có thể thắng thầu ở nhiều công trình nhỏ mà thị phần của CIENCO1 còn bỏ ngỏ. Đối với các công trình quy mô lớn các doanh nghiệp này chưa đủ năng lực để tham gia, nhưng không vì thế mà CIENCO1 xem thường đối thủ, CIENCO1 luôn xác định công tác thị trường là công tác quan trọng, ưu tiên đầu tư hơn cả.

- ❖ **Nhóm đối thủ cạnh tranh nước ngoài của CIENCO1:** là hơn 300 nhà thầu nước ngoài đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ khác. Các nhà thầu này đến nay đã thực hiện rất nhiều công trình và hạng mục công trình lớn trên lãnh thổ Việt Nam với vai trò là tổng thầu hoặc nhà thầu chính. Các nhà thầu này, đặc biệt là các tập đoàn xây dựng đến từ Nhật Bản có ưu thế về trình độ tổ chức quản lý, năng lực tài chính và đặc biệt có kinh nghiệm và công nghệ hiện đại. Hơn nữa họ còn được sự hậu thuẫn của Chính phủ mẹ - những nước tài trợ hoặc cho Việt Nam vay vốn thực hiện dự án. Từ thực tế trên đòi hỏi CIENCO1 phải xây dựng chiến lược thị trường, chiến lược đầu tư và kinh doanh đúng đắn để đáp ứng được những cạnh tranh sôi động của thị trường. Trong điều kiện như vậy việc liên kết với các nhà thầu trong và ngoài nước trong đấu thầu cạnh tranh là một giải pháp tạo sức mạnh tổng hợp mà CIENCO1 nhắm đến.

8.2 *Triển vọng phát triển của ngành*

Ngày 03/3/2009 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 35/QĐ/QĐ-TTg về chiến lược phát triển giao thông vận tải đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Theo đó định hướng phát triển giao thông vận tải trong nước được xác định như sau:

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông một cách đồng bộ, hợp lý; kết hợp phát triển từng bước vững chắc với những bước đột phá đi thẳng vào hiện đại tạo nên mạng lưới hoàn chỉnh, liên hoàn, liên kết giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng lãnh thổ, giữa đô thị và nông thôn trên phạm vi toàn quốc, đồng thời coi trọng công tác bảo trì, đảm bảo khai thác hiệu quả, bền vững kết cấu hạ tầng giao thông hiện có.
- Kết hợp đầu tư mới với cải tạo, nâng cấp, đầu tư theo chiều sâu phát huy hiệu quả của các cơ sở công nghiệp với giao thông vận tải hiện có.
- Phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại gắn kết chặt chẽ với hệ thống giao thông vận tải trong nước để chủ động hợp tác, hội nhập khu vực và quốc tế;
- Phát triển mạnh giao thông vận tải địa phương, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn, gắn kết được mạng giao thông vận tải địa phương với mạng giao thông vận tải quốc gia, tạo sự liên hoàn, thông suốt và chi phí vận tải hợp lý, phù hợp với đa số người dân.
- Xã hội hóa việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, Huy động tối đa mọi nguồn lực, coi trọng nguồn lực trong nước để đầu tư phát triển giao thông vận tải.
- Để thực hiện các định hướng trên, Chính phủ cũng đưa ra các giải pháp, chính sách hỗ trợ thực hiện, tiêu biểu trong đó là:
 - Tăng mức đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông bằng ngân sách nhà nước hàng năm đạt 3,5-4,5%GDP.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, chú trọng nguồn nội lực, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức vào xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông
- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp công nghiệp giao thông vận tải mở rộng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để huy động vốn, chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm quản lý ...
- Thành lập các công ty thuê mua tài chính có sự bảo lãnh của Nhà nước để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các nguồn tài chính, công nghệ, phương tiện kỹ thuật mới.

Với quan điểm của Chính phủ coi giao thông vận tải là bộ phận quan trọng trong kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, cần ưu tiên đầu tư phát triển đi trước một bước với tốc độ nhanh, bền vững nhằm tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước đã mở ra triển vọng phát triển trong tương lai của ngành, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong ngành có nhiều cơ hội kinh doanh, tiếp cận với vốn, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý mới.

9. Tình hình lao động và sử dụng lao động đến 30/9/2014

❖ Số lượng lao động của Tổng công ty (30/9/2014)

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Trình độ đại học trên đại học	842	33,24
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	136	5,37
3. Công nhân kỹ thuật	1.364	53,85
4. Lao động khác	191	7,54
Tổng cộng	2.533	100

Nguồn: Cienco1

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

- Chế độ làm việc:

Người lao động trong Tổng công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Tổng công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng Luật hiện hành.

- Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Tổng công ty đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Tổng công ty luôn tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề phục vụ cho công việc.

- Chính sách lương, thưởng:

Tổng công ty thực hiện chi trả lương cho người lao động theo quy định của Nhà nước và chính sách tiền lương của Tổng công ty. Tiền lương và tiền thưởng trả cho người lao động trong Tổng công ty căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, chức danh công việc và chế độ tiền lương do Nhà nước và Tổng công ty qui định nhằm khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- **Chế độ phúc lợi:**

Bên cạnh chính sách về lương, thưởng, Tổng công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động. Tổng công ty thực hiện chi chế độ cho các dịp lễ, tết và các trường hợp phát sinh thực tế như kết hôn, ốm đau, tử tuất, thai sản, hưu trí. Toàn thể CBNV làm việc tại Tổng công ty đều được nhận chế độ phúc lợi theo các mức khác nhau căn cứ vào hình thức hợp đồng lao động và thời gian ký hợp đồng lao động của mỗi CBNV.

10. Chính sách cổ tức

Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, và theo quy định của Điều lệ của Tổng công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng và đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc:

Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty quyết định trả cổ tức cho các cổ đông trên cơ sở vốn góp, Tổng công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Tổng công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định. Tổng công ty vẫn thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.

Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 06/6/2014, do đó, từ năm 2014, căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty sẽ xem xét việc chi trả cổ tức cho các cổ đông của Tổng công ty.

11. Tình hình sử dụng đất đai của Tổng Công ty



TT	Địa chỉ	Diện tích		Công trình trên đất	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng	Hồ sơ pháp lý	
		Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng					
1	Số 623 – la Thành – Ba Đình – Hà Nội	867 m ²	6.695,38 m ²	Văn phòng trụ sở cơ quan TCT	trụ sở cơ quan TCT	Đất thuê nộp thuế hàng năm 35 năm	+ QĐ điều chuyển của cơ quan có thẩm quyền số: 3819/QĐUB ngày 14/11/1996 thu hồi 867m2 đất do Hội mỹ thuật Việt Nam quản lý cho TCT thuê làm nhà điều hành sản xuất và giao dịch + Hợp đồng thuê đất số:03-97/ĐC-HĐTĐTN ngày 29/01/1997 + Giấy phép xây dựng số: 141/GPXD ngày 23/4/2003	
2	Lâm Du – Bồ Đề - Gia Lâm – Hà Nội	552 m ²	2.424,84 m ²	VP làm việc cho các BDH dự án	VP làm việc cho các BDH dự án	Đất giao sử dụng nộp thuế hàng năm	+ Giấy sử dụng đất số: 808-UBXDCH ngày 01/4/1985 của UBND thành phố Hà Nội giao cho Liên hiệp các xí nghiệp xây dựng giao thông khu vực 1 quản lý và sử dụng 2.500 m2 đất tại xá Bồ Đề huyện Gia Lâm thành phố Hà Nội để xây dựng cơ sở làm việc và giao dịch. + Quyết định số 400/QĐ-TNMT ngày 13/6/2005 của Sở Tài nguyên môi trường và nhà đất thành phố Hà Nội về việc tiếp nhận bán nhà do cơ quan TCTXDCTGT1 đang quản lý và cho thuê. + Giấy phép xây dựng số 84/GPXD ngày 10/4/2003	

TT	Địa chỉ	Diện tích		Công trình trên đất	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng	Hồ sơ pháp lý	
		Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng					
3	Tân Dân – Sóc Sơn – Hà Nội	43.155,4 m ²	8.552,2 m ²	Làm cơ sở đào tạo	Làm cơ sở đào tạo	Đất thuê nộp thuế hàng năm	+ QĐ số 185/XDCB ngày 27 tháng 3 năm 1976 của UBHC tỉnh Vĩnh Phúc cấp 35.000 m² đất xây dựng Trường công nhân kỹ thuật Cục công trình 2 + QĐ số 548/QĐ-UB ngày 4/4/1991 của UBND thành phố Hà Nội cho phép Trường công nhân kỹ thuật 1 sử dụng 11.000m² đất để xây dựng cơ sở đào tạo và một phần nhà ở cho CBCNV của Trường + QĐ số 2309/QĐ-UBND ngày 19/7/2007 của UBND huyện Sóc Sơn về việc tiếp nhận 2.919 m² khu tập thể Trường kỹ thuật nghiệp vụ công trình giao thông quản lý sang UBND huyện Sóc Sơn quản lý + QĐ số 2473/QĐ-UBND ngày 17/8/2007 của UBND Sóc Sơn v/v tiếp nhận 300m² đất đường giao thông nội bộ phía bắc khu B khu tập thể do TRường KTNVCTGT đang quản lý sang UBND Sóc Sơn quản lý.	
4	Nhà chung cư K1	363,6 m ²	363,6 m ²	Văn phòng trụ	VP làm việc	Đất thuê 10 năm	+ Hợp đồng thuê đất :523-24598/ĐC-HĐTĐ ký ngày 26-12-1998	

TT	Địa chỉ	Diện tích		Công trình trên đất	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng	Hồ sơ pháp lý	
		Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng					
	Thành Công – Ba Đình – Hà Nội			sở cơ quan tct	của CQ TCT			
5	278 – Tôn Đức Thắng – Đống Đa – Hà Nội	120,65 m ²	ngôi nhà 1: 120,65 m ² Ngôi nhà 2: Tầng 3: 592,21 m ²	Trụ sở làm việc của các công ty thành viên của TCT	Trụ sở làm việc của các công ty thành viên của TCT	Đất nộp thuế hàng năm	Đất nằm trong khu liên cơ quan. Hiện tại không còn các hồ sơ pháp lý về nhà đất do bị thất lạc trong quá trình lưu trữ.	
6	135A Nguyễn Văn Đậu – P5 quận Bình Thạnh – TP Hồ Chí Minh	422 m ²	814 m ²	Trụ sở làm việc chi nhánh Miền Nam	Trụ sở làm việc chi nhánh Miền Nam	Đất mua đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4131/2000 ngày 07/4/2000 do UBND TP Hồ Chí Minh cấp Hợp đồng chuyển nhượng số 49144/HĐ-MBN ngày 23 tháng 6 năm 2000	
7	Xã Lợi Bình Nhơn – thị xã Tân An – tỉnh Long An	916,4 m ²	916,4 m ²	Trụ sở làm việc của chi nhánh Miền	Trụ sở làm việc của chi nhánh	Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất (đến ngày 24 tháng 3 năm 2056)	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 00746 ngày 24 tháng 4 năm 2006 do UBND tỉnh Long An cấp	

TT	Địa chỉ	Diện tích		Công trình trên đất	Hiện trạng sử dụng	Hình thức sử dụng	Hồ sơ pháp lý
		Diện tích đất	Diện tích sàn xây dựng				
				Nam	Miền Nam		
8	Ấp Thới Thạnh – xã Thới Sơn- huyện Châu Thành – tỉnh Tiền Giang	16.706 m ²	16.706 m ²	làm nhà xưởng sản xuất	làm nhà xưởng sản xuất	Công ty đã nộp tiền sử dụng đất đến năm 2053	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T -00131 QSDĐ do UBND tỉnh Tiền Giang cấp ngày 30 tháng 12 năm 2003
9	Phường Trà Bá – TP PLEIKU – tỉnh Gia Lai	852 m ²	đất ở 400 m ² đất vườn 452 m ²	Trụ sở làm việc của chi nhánh Tây Nguyên	Trụ sở làm việc của chi nhánh Tây Nguyên	sử dụng lâu dài	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 419443

12. Tình hình tài chính

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2013 (VNĐ)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.962.722.354.005	4.268.996.445.631
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.962.722.354.005	4.268.996.445.631
Giá vốn hàng bán	3.790.830.243.571	4.233.031.577.815
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	171.892.110.434	35.964.867.816
Doanh thu hoạt động tài chính	85.650.072.069	47.714.129.108
Chi phí tài chính	39.206.135.032	32.126.451.171
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>21.642.019.418</i>	<i>20.861.670.853</i>
Chi phí bán hàng	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	224.552.984.149	37.939.383.947
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.216.936.678)	13.613.161.806
Thu nhập khác	77.560.294.995	64.271.001.279
Chi phí khác	44.491.242.562	46.199.685.244
Lợi nhuận khác	33.069.052.433	18.071.316.035
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.852.115.755	31.684.477.841
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.542.104.066	26.662.053.438

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012, 2013

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,96	0,95
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,69	0,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Nợ/Tổng tài sản	90,78%	85,97%
Nợ/Vốn chủ sở hữu	984,10%	612,90%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	5,29	6,40
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,24	1,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,59%	0,62%

Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	8,18%	5,54%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,74%	0,78%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-0,16%	0,32%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013

13. Tình hình tài sản

❖ Tài sản cố định hữu hình (31/12/2013)

STT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	102.844.158.326	38.731.231.632	64.112.926.694
2	Máy móc, thiết bị	161.396.615.954	98.988.970.519	62.407.645.435
3	Phương tiện vận tải	61.610.521.733	36.577.889.158	25.032.632.575
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.654.607.621	3.062.908.302	1.591.699.319
5	Tài sản cố định khác	1.699.845.205	904.299.491	795.545.714
	Cộng	332.205.748.839	178.265.299.102	153.940.449.737

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013

❖ Tài sản cố định vô hình (31/12/2013)

STT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
1	Quyền sử dụng đất	13.113.548.462	485.439.940	12.628.108.522
2	Phần mềm máy tính	70.000.000	51.151.422	18.848.578
	Cộng	13.183.548.462	536.591.362	12.646.957.100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013

14. Kế hoạch và các chỉ tiêu kinh tế năm 2014, 2015

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014	% tăng giảm 2014 so với 2013	Kế hoạch năm 2015	% tăng giảm 2015 so với 2014
Doanh thu thuần: VNĐ	Triệu Đồng	4.195.380	-1,72%	4.409.553	5,10%
Lợi nhuận sau thuế: VNĐ	Triệu Đồng	61.526,9	130,77%	64.777,4	5,28%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,47	0,85	1,47	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,78	3,24	9,25	0,47
Cổ tức	%	7	-	8	1

Nguồn: Cienco1

Cần cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Tổng công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

❖ **Giải pháp về sản phẩm, thương hiệu và thị trường**

- Cải tiến chất lượng sản phẩm, phát triển sản phẩm mới; Tổ chức thực hiện đầu tư sản phẩm có chỉ số ICOR thấp, giá thành thấp - tạo lợi thế cạnh tranh về giá; Nắm bắt tín hiệu thị trường kịp thời; củng cố và phát triển thị phần; Trực tiếp nhập khẩu vật tư kỹ thuật và xuất khẩu một số sản phẩm của Tổng công ty.
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu trong nước và quốc tế. Tổng công ty và các công ty con xây dựng chính sách chất lượng hợp lý, hiệu quả nhằm củng cố và nâng cao uy tín trên thị trường, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Không ngừng hoàn thiện, cải tiến nâng cao hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng để điều hành công tác sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị cần chú trọng xây dựng và duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, coi đây như là giải pháp quan trọng để phát triển bền vững.
- Tổng công ty, các công ty con cần có chương trình toàn diện, đồng bộ để củng cố và phát triển thương hiệu; Đầu tư thỏa đáng về tài chính và nhân lực để thực hiện chương trình phát triển, quảng bá thương hiệu; Nâng cao nhận thức đối với CBCNV của Tổng công ty và các công ty con về thương hiệu, phải coi đây là một giải pháp quan trọng để nâng cao khả năng cạnh tranh, là con đường chủ yếu để thâm nhập, phát triển thị trường.

❖ **Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ**

Thực hiện chiến lược đổi mới công nghệ, nâng cấp, bổ sung thiết bị tự động hóa; ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp và nông nghiệp; tăng cường đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm.

❖ **Giải pháp về tài chính, vốn**

- Cơ cấu lại nguồn vốn, cân đối đủ nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư; Sử dụng vốn đúng mục đích, quản lý chặt chẽ tài sản, vật tư tiền vốn; Thực hiện tiết giảm chi phí, bảo toàn và phát triển vốn.
- Đẩy mạnh đổi mới doanh nghiệp, điều chỉnh cơ cấu sản xuất tạo điều kiện cho các công ty hoạt động có hiệu quả, tăng nhanh khả năng tích lũy vốn để tái đầu tư phát triển, để các đơn vị phát triển bền vững.
- Tập trung đánh giá lại thực trạng năng lực sản xuất của các đơn vị thành viên; cần có các giải pháp đột phá để giải quyết những tồn tại về tài pháp như: hợp tác đầu tư, cơ cấu lại vốn điều lệ, chọn đối tác chiến lược phát hành cổ phiếu.
- Liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước có năng lực về tài chính, đặc biệt là tạo dựng mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để nhận được sự hỗ trợ về vốn.

- Làm việc với các cơ quan nhà nước, các tổ chức tài chính để xúc tiến các dự án và xin được vay vốn ưu đãi thực hiện các dự án BT, BOT, BTO...
- Khai thác, sử dụng có hiệu quả các lợi thế kinh doanh đặc biệt là tiềm năng về quỹ đất để bổ sung nguồn vốn kinh doanh trên cơ sở sử dụng tốt nhất công năng của từng thửa đất.
- Không đầu tư dàn trải và đầu tư có hiệu quả thấp, chú trọng việc đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị và công nghệ đáp ứng yêu cầu của các dự án.
- Thoái vốn đầu tư theo lộ trình tại các doanh nghiệp làm ăn không hiệu quả hoặc hiệu quả kém để tập trung đầu tư vốn tại các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

❖ **Giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nhân lực theo hướng tinh gọn hiệu quả; Hệ thống hoạt động cơ bản và các mặt trọng yếu tại các đơn vị thành viên và liên kết; Hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp; Tiếp tục liên kết với các đối tác chiến lược có thể mạnh và uy tín để cùng phát triển; Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá doanh nghiệp.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý của Tổng công ty, tạo sự đồng bộ, thống nhất, đảm bảo hài hòa lợi ích, tạo sự công bằng và dân chủ trong nội bộ Tổng công ty, giữa tập thể và cá nhân người lao động.
- Tiến hành phân cấp quản lý mạnh, phân định trách nhiệm giữa cấp trên và cấp dưới; Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị, đồng thời nâng cao hiệu lực trong công tác quản lý điều hành của Tổng công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, đơn vị liên kết để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty; Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty và công tác kiểm tra, thanh tra của các phòng ban Tổng công ty để tránh chồng chéo; nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát.

❖ **Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất**

- Tiếp tục đầu tư vào những doanh nghiệp có hiệu quả, có tiềm năng lợi thế lớn; Thực hiện công cuộc cải cách đầu tư toàn diện phát triển kết cấu hạ tầng giao thông....
- Đẩy mạnh hợp tác liên doanh, liên kết giữa các công ty con, đơn vị liên kết với nhau và với Tổng công ty:
 - Coi trọng việc hợp tác giữa các đơn vị, nhân rộng mô hình liên danh, liên kết giữa hai hay nhiều đơn vị để cùng xúc tiến và thực hiện dự án.
 - Thực hiện việc hợp tác lâu dài, toàn diện giữa hai hoặc nhiều đơn vị với nhau để phát huy thế mạnh, tiềm năng của từng đơn vị nhằm mang lại hiệu quả chung cho các bên và kịp thời hỗ trợ lẫn nhau trong các tình huống cần thiết.

- Chỉ đạo các công ty có cùng sản phẩm (các khối xây dựng cầu, đường, công nghiệp, dịch vụ) ký thỏa ước liên kết hợp tác lâu dài, toàn diện.
- Tổng công ty sẽ đóng vai trò là cầu nối, tổ chức các hoạt động nhằm củng cố và phát triển quan hệ hợp tác giữa các đơn vị thành viên.
- **Đẩy mạnh hợp tác liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước:**
 - Tăng cường và mở rộng hợp tác lâu dài và toàn diện, liên danh liên kết với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế trong nước để phát huy thế mạnh của từng bên; Coi trọng việc hợp tác với các đơn vị trong Bộ giao thông vận tải để hỗ trợ và cùng xúc tiến các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông có quy mô lớn.
 - Tìm kiếm các đối tác có thế mạnh về tài chính để liên doanh, liên kết cùng thực hiện dự án đầu tư.
 - Hợp tác với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để thực hiện các dự án với tư cách là nhà thầu, là chủ đầu tư hoặc hợp tác trên lĩnh vực khoa học công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư tài chính.
 - Thiết lập mối quan hệ và hợp tác toàn diện với các doanh nghiệp và Tập đoàn kinh tế trong nước.
 - Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, phát triển quan hệ với các đối tác truyền thống nhiều năm nay để tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật công nghệ, kỹ năng quản lý, trợ giúp kỹ thuật và đào tạo.

❖ **Giải pháp về nguồn nhân lực**

- Đánh giá lại nguồn nhân lực của Tổng công ty; Xây dựng và thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực, cán bộ; Đổi mới thực sự công tác tuyển dụng, đào tạo và quản lý hiệu quả nguồn nhân lực của Tổng công ty đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2014-2016 và định hướng đến 2020.
- Có chế độ chính sách thu hút, đào tạo cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai; Có chính sách đãi ngộ đối với người có đóng góp đặc biệt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và củng cố môi trường làm việc lành mạnh, dân chủ; tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển.
- Có kế hoạch bổ sung thay thế và cải thiện về chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện chương trình đào tạo, đào tạo lại kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động trẻ được đào tạo cơ bản.
- Xây dựng đơn giá tiền lương theo hướng tăng dần và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động và bảo đảm đời sống ngày một nâng cao cho người lao động, coi tiền lương như là một khoản chi phí đầu tư cho tương lai.
- Xây dựng Quy chế trả lương hợp lý, khoa học, bảo đảm sự công bằng trong phân phối theo nguyên tắc tiền lương tỷ lệ với sản phẩm và khối lượng công việc, hiệu quả công việc của mỗi người.

- Phối hợp giữa chính quyền với tổ chức công đoàn để có kế hoạch chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động. Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV và người lao động.
- Xây dựng quy chế khen thưởng kịp thời động viên và phát huy đóng góp của đội ngũ CBCNV trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Tổng công ty.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

❖ **Sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động**

- **Đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu lực bộ máy tại Tổng công ty**
 - Tiếp tục đổi mới và sắp xếp lại Văn phòng Tổng công ty, đảm bảo chức năng nhiệm vụ vừa trực tiếp chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, vừa quản lý phần vốn của công ty mẹ tại các công ty con, công ty liên kết nâng cao năng lực tham mưu và hiệu quả điều hành của Văn phòng Tổng công ty.
 - Kiện toàn, ổn định tổ chức Văn phòng Tổng công ty theo hướng tinh giảm, phân công phân nhiệm rõ ràng, giảm đầu mối tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ.
 - Xây dựng chức năng nhiệm vụ cụ thể, định biên của từng phòng ban; Xây dựng chức danh cho từng vị trí công tác; Rà soát phân loại cán bộ nhân viên cơ quan để bố trí công việc phù hợp.
 - Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy chế quản lý của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị thành viên để sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy chế phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị trên cơ sở các quy định của Tổng công ty trong các quy chế đã được ban hành.
 - Kiện toàn mô hình tổ chức nâng cao năng lực quản lý và điều hành của các ban điều hành dự án; Thể chế hóa mối quan hệ trong giải quyết các công việc ở các dự án giữa Ban điều hành với các phòng ban của Tổng công ty và các đơn vị thi công.
 - Xây dựng chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên; Sử dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
 - Tổ chức các lớp tập huấn, nâng cao nhận thức các cán bộ quản lý về các thủ tục hành chính, tổ chức hệ thống luân chuyển hồ sơ, cập nhật và chuyển tải thông tin trong bộ máy điều hành để đảm bảo xử lý chính xác, kịp thời các tình huống trong sản xuất và chấp hành đúng các chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo các cấp.
- **Sắp xếp, đổi mới tổ chức và quản lý nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị thành viên**
 - Đổi mới các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty thành viên theo mục tiêu: “năng suất, chất lượng, hiệu quả”; từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các đơn vị trên thị trường; Tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị; Xây dựng các đơn vị hạch toán phụ thuộc phát triển thành các đơn vị nòng cốt của Tổng công ty.

- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị thành viên xây dựng cơ chế quản lý từ công ty đến các đội xưởng; đặc biệt chú ý đến công tác quản lý tiến độ, chất lượng, quản lý tiền lương, quản lý vật tư, thiết bị, gắn quyền lợi của CBCNV với kết quả kinh doanh sản xuất,...
- Đẩy nhanh công tác sắp xếp, đổi mới các đơn vị:
 - ✓ Tổ chức lại bộ máy giúp việc của Tổng công ty để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý điều hành.
 - ✓ Tạo điều kiện để các đơn vị hạch toán phụ thuộc hoạt động có hiệu quả.
 - ✓ Tổ chức tốt các hoạt động của trường Trung cấp nghề công trình 1, hướng tới thành lập trường Cao đẳng dạy nghề.
- **Tăng cường công tác bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty**
 - Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật – công nghệ trong sản xuất kinh doanh và trong quản lý, tạo ra sản phẩm với chi phí hợp lý, hoàn vốn nhanh, có lợi nhuận cao.
 - Khai thác các nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh về đất đai, nhà xưởng, trụ sở, thương hiệu các doanh nghiệp, thương hiệu của Tổng công ty ... để tạo ra nguồn thu bổ sung nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh.
 - Sử dụng có hiệu quả sự hỗ trợ của các nguồn tài chính trong nước và nước ngoài (nếu có).
 - Huy động vốn của người lao động và trong xã hội (kể cả việc tham gia, giao dịch thị trường chứng khoán,...).
 - Bổ sung nguồn vốn từ lợi nhuận hàng năm.
 - Phát huy vai trò, trách nhiệm của đại diện phần vốn tại các công ty con và công ty liên kết.
 - Xây dựng và quản lý chặt chẽ chi phí, đặc biệt là chi phí giá thành công trình; Thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sản xuất và quản lý doanh nghiệp.
 - Thực hiện công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ toàn diện và thường xuyên để nắm bắt tình hình tài chính của Tổng công ty và các đơn vị thành viên phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp.
 - Luân chuyển, cân đối các nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, đáp ứng được kế hoạch tài chính và đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, nâng cao năng lực thi công các dự án xây dựng cơ bản.
 - Tập trung vào công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành, thanh quyết toán các dự án đầy đủ, kịp thời, thu hồi công nợ không để tồn đọng.
 - Rà soát lại để sửa đổi bổ sung quy định về trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, đơn vị liên kết. Thông qua người đại diện phần vốn để định hướng công tác sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên, để việc sử dụng vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, đơn vị liên kết có hiệu quả nhất.

- Thực hiện quan hệ giữa Tổng công ty và các đơn vị thành viên, đơn vị liên kết thông qua kinh tế, trên cơ sở các quy định của pháp luật.

❖ **Phát triển ngành nghề kinh doanh**

Đây là mục tiêu quan trọng để mở rộng thị trường và lựa chọn, bố trí cơ cấu lại sản phẩm, góp phần phát triển các nguồn vốn để tái đầu tư và mở rộng, nâng cao chất lượng sản phẩm, xác định vị trí mới của Tổng công ty trên thị trường với vai trò là nhà đầu tư.

➤ **Đối với lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông**

Chú trọng củng cố nâng cao thương hiệu của Tổng công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực truyền thống với thế mạnh xây dựng cầu, đường, sân bay, cảng... ; thực hiện quản lý, khai thác và bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường bộ; triển khai đồng bộ chiến lược về sản phẩm, thị trường và các giải pháp thực hiện, cụ thể như sau:

- Huy động sức mạnh tổng hợp của toàn Tổng công ty, khai thác tốt nhất thương hiệu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên cho công tác thị trường.
- Tập trung mọi nguồn lực tham gia đấu thầu có trọng tâm trọng điểm, nhất là các dự án lớn, yêu cầu kỹ thuật cao; Phân tích giá thầu một cách khoa học, hợp lý đảm bảo nguyên tắc giá cạnh tranh và có lãi.
- Tăng cường liên minh, liên danh, liên kết với các đối tác, ưu tiên các đối tác, các bạn hàng truyền thống trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên, không để bị ép giá hoặc vào thế bất lợi; Lựa chọn, cân nhắc một cách kỹ lưỡng khi tham gia thầu phụ hoặc báo giá cho các đối tác, các công ty nước ngoài.
- Có ứng xử một cách khoa học, linh hoạt trong từng trường hợp, từng dự án cụ thể để đảm bảo hài hòa lợi ích của Tổng công ty.
- Tiếp tục bám sát các thị trường có dự án của Tổng công ty đang làm tốt, có uy tín.
- Nghiên cứu việc đầu tư xây dựng hầm để năm 2015 thực hiện công trình đầu tiên và đến năm 2020 có thể làm chủ được công nghệ thi công đối với các công trình có quy mô lớn.
- Mở rộng các lĩnh vực quản lý dự án, tư vấn kỹ thuật và cung cấp các dịch vụ kỹ thuật như công tác tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thí nghiệm:
 - ✓ Tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ các chuyên gia kỹ thuật làm công tác giám sát công trình.
 - ✓ Phát triển công tác tư vấn lập các dự án đầu tư kể từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến giai đoạn thực hiện đầu tư đối với các công trình cầu, đường có quy mô lớn (dự án nhóm A) và thực hiện trọn vẹn công tác tư vấn kỹ thuật ở các dự án. Cơ bản thực hiện thiết kế thi công các công trình cầu có kết cấu hiện đại.
 - ✓ Đối với công tác thí nghiệm: Tăng cường năng lực thí nghiệm vật liệu phục vụ thi công công trình để đủ khả năng về cán bộ, nhân viên kỹ thuật, thiết bị, công nghệ để thực hiện hoàn chỉnh tất cả các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu của các đơn vị thành viên, đơn vị liên kết của Tổng công ty và đạt tiêu chuẩn phòng thí nghiệm VILAS.

Công tác thị trường hàng năm phấn đấu đạt 8000 tỷ - 10.000 tỷ đồng đáp ứng cơ bản đủ công ăn việc làm cho toàn Tổng công ty, trọng tâm cho công tác thị trường các dự án lớn có nguồn vốn rõ ràng trong giai đoạn 2014-2016, cụ thể như sau:

- Cầu Hưng Hà (Vốn IECF): 1500 tỷ đồng;
- Đường dẫn nối cầu Vàm Cống – cầu Cao Lãnh (Vốn IECF): 2000 tỷ đồng;
- Cầu Phước Khánh (cao tốc Bến Lức – Long Thành, vốn Jica): 4200 tỷ đồng;
- Cầu Bình Khánh (cao tốc Bến Lức – Long Thành, vốn Jica): 3500 tỷ đồng;
- Cầu Chanh (cao tốc Hạ Long – Hải Phòng, vốn trong nước): 1000 tỷ đồng;
- Cầu Bạch Đằng (vốn PPP): 2500 tỷ đồng;
- Cầu Long Hồ (vốn PPP): 1500 tỷ đồng;
- Nhà máy Tháp JFE: 1500 tỷ đồng;
- Đường sắt trên cao Yên Viên – Ngọc Hồi: 5000 tỷ đồng;
- Tuyến Metro số 2 (Nam Thăng Long – Trần Hưng Đạo): 2500 tỷ đồng;
- 52 Cầu đường sắt (giai đoạn 3): 2000 tỷ đồng;
- Cầu Thịnh Long (Nam Định): 1000 tỷ đồng;
- BOT đường tránh Phủ Lý: 2400 tỷ đồng;
- BOT Hà Nội – Thái Nguyên: 1500 tỷ đồng;
- BOT Thanh Hóa – Nghi Sơn: 10.000 tỷ đồng;
- BOT Xuân Mai – Sơn Tây: 2000 tỷ đồng.

➤ **Đối với một số ngành nghề kinh doanh khác**

Nghiên cứu triển khai sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ thị trường đang có nhu cầu lớn như:

- Xây dựng nhà ở đô thị: Chung cư cao cấp, dân cư đô thị với khả năng phù hợp. Trước mắt tập trung khai thác quỹ đất hiện có của Tổng công ty và các đơn vị thành viên tại địa bàn Hà Nội.
- Đầu tư, liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất thiết bị cầu, đường, cảng,... phù hợp với khả năng của Tổng công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và cung cấp cho thị trường.
- Tổ chức nghiên cứu, nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn đầu tư, thí nghiệm, kiểm định...
- Lựa chọn đầu tư và xây dựng một số dự án khu công nghiệp, công trình dân dụng...
- Thực hiện vai trò là nhà đầu tư ở các dự án đầu tư theo các hình thức BT, BOT... trong các lĩnh vực kinh tế phù hợp với năng lực, tiềm năng sẵn có của Công ty mẹ.
- Phát triển ngành sản xuất công nghiệp:

- ✓ Tập trung cho sản xuất các sản phẩm đặc thù, đặc biệt các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng cầu (vòng nút neo, khe co giãn, gối cầu, ...).
 - ✓ Sản xuất các cụm chi tiết, thiết bị chuyên dụng phục vụ công tác sản xuất bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng, công nghệ khoan cọc nhồi và xử lý nền móng,...
 - ✓ Củng cố, phát triển các cơ sở sản xuất cơ khí. Sản xuất các loại dầm cầu thép và kết cấu thép phi tiêu chuẩn phục vụ các ngành xây dựng.
 - Củng cố, đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động, xuất khẩu chuyên gia.
- ❖ **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật mới, công nghệ mới**
- Nghiên cứu, triển khai và hoàn thiện ứng dụng các công nghệ mới như: Công nghệ đúc dầm hộp bê tông bằng hệ thống đà giáo di động, công nghệ thi công cầu vòm ống thép nhồi bê tông, công nghệ thi công cầu treo dây văng, công nghệ thi công hầm, đường xe điện ngầm, đường sắt cao tốc mặt đường chống trơn trượt NOVACHIP...
 - Hoàn thiện và ứng dụng vào thực tế công nghệ cào bóc tái chế móng mặt đường cũ.
 - Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển.
 - Xây dựng mạng nội bộ từng đơn vị (mạng LAN); áp dụng thống nhất cùng 1 phần mềm quản lý; Xây dựng hệ thống mạng giữa Văn phòng Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con, các đơn vị liên kết (mạng WAN), thực hiện giao ban sản xuất qua mạng giữa các Ban điều hành dự án và các đơn vị với Tổng công ty.
- ❖ **Phát triển nguồn nhân lực**
- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và mở rộng kiến thức ở các lĩnh vực khác liên quan khác đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển của Tổng công ty đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo các kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề. Hàng năm, tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị tốt cử đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, tập trung đầu tư xây dựng Trường Trung cấp nghề công trình 1 thành trường Cao đẳng nghề hoặc tương đương.
- Tổ chức các hoạt động đào tạo lại và tự đào tạo trong cho cán bộ, công nhân viên trong Tổng công ty; Hoàn thiện hệ thống chính sách về tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo rõ ràng, hợp lý theo hướng tăng cường sự chủ động của Tổng công ty trong tìm kiếm, thu hút các ứng viên có trình độ, chất lượng, có đạo đức, phẩm chất và các cán bộ quản lý giỏi đóng góp trí tuệ và công sức cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty nhất là ở các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ cao mà hiện tại Tổng công ty còn thiếu.
- Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ công nhân viên theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối người lao động có trình độ cao, hiệu suất công tác cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Tổng công ty, động viên người lao động nỗ lực hơn trong học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Thực hiện chính sách luân chuyển, bổ nhiệm và xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kế cận.

➤ **Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý**

- Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; thực hiện chiến lược trẻ hóa đội ngũ cán bộ, xây dựng lớp cán bộ lãnh đạo quản lý trẻ khỏe, có phẩm chất, có tâm huyết xây dựng Tổng công ty và các công ty con có năng lực, có kiến thức, năng động nhạy bén với nền kinh tế thị trường, kiên quyết trong quản lý điều hành, quyết tâm thực hiện và hoàn thành trách nhiệm được giao.
- Tiến hành rà soát, phân loại cán bộ hiện có trên cơ sở tiêu chuẩn cán bộ, khả năng phát triển của mỗi người để xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo Tổng công ty; trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảm bảo hài hòa giữa các độ tuổi để tránh tình trạng thiếu hụt cán bộ lãnh đạo kế cận.
- Tiến hành bồi dưỡng, đào tạo cán bộ theo quy hoạch để đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn khi cần thiết sử dụng được ngay, không bị động trong công tác cán bộ; Xây dựng được một lớp cán bộ lãnh đạo có năng lực để bổ sung cho các chức danh còn thiếu và thay thế cán bộ lớn tuổi trong 2 – 3 năm tới.
- Giao cho Đoàn thanh niên Tổng công ty giới thiệu các kỹ sư, cử nhân kinh tế có trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, ý chí tiến thủ và tư chất lãnh đạo, sẵn sàng làm việc lâu dài cho Tổng công ty và các công ty con trong độ tuổi từ 25 – 35 tuổi để tiến hành đào tạo, sử dụng có hiệu quả.
- Có chế độ khuyến khích đối với các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý tự học ngoại ngữ để chủ động trong giao dịch.

➤ **Đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ**

- Thống kê nắm chắc tình hình cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty và các công ty con; Phân loại để sắp xếp bố trí đúng năng lực, sở trường; Tiến hành điều chuyển hoặc đào tạo lại với cán bộ có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm nhưng đang làm việc trái ngành, trái nghề.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển dụng cán bộ chuyên môn nghiệp vụ; Khi có nhu cầu tuyển dụng cần tiến hành sát hạch, kiểm tra trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và các yêu cầu khác đối với vị trí tuyển dụng.
- Xây dựng tiêu chuẩn viên chức để tiến hành sát hạch hàng năm nhằm tạo động lực cho việc chủ động trau dồi, cập nhật kiến thức khoa học công nghệ và khoa học quản lý của cán bộ nhân viên và kịp thời xử lý các trường hợp không tương xứng với nhiệm vụ, với yêu cầu phát triển của đơn vị.
- Thực hiện việc luân chuyển cán bộ chuyên môn nghiệp vụ ở cơ quan quản lý, điều hành và cán bộ trực tiếp sản xuất để có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng quản lý.

➤ **Đối với đội ngũ công nhân lành nghề, thợ bậc cao**

- Thống kê công nhân kỹ thuật lành nghề và thợ bậc cao để cân đối với nhiệm vụ sản xuất của đơn vị; Xây dựng chế độ đãi ngộ hợp lý cho các đối tượng này và quản lý chặt chẽ họ; Coi công nhân lành nghề và thợ bậc cao là tài sản vô giá của đơn vị; Xây dựng quy chế về quản lý, điều động, chính sách đãi ngộ đối với công nhân lành nghề và thợ bậc cao để trong công ty mẹ và các công ty con; Điều động giữa các công ty con để sử dụng hợp lý và khai thác hết tiềm năng tay nghề của công nhân lành nghề và thợ bậc cao.
- Tổ chức đào tạo lại lực lượng lao động cho Tổng công ty và các công ty con và các công ty liên kết; Chú trọng đào tạo các nghề đặc chủng: vận hành máy, thiết bị chuyên dụng, thiết bị đặc chủng, thợ lắp ráp cầu,...

❖ **Xây dựng thương hiệu Tổng công ty**

- Tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm của nhà nước hoàn thành với chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao, qua đó tiếp tục phát triển thương hiệu của Cienco1.
- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của Cienco1.
- Quảng bá hình ảnh của Cienco1 qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Cienco1.

❖ **Xây dựng văn hóa doanh nghiệp**

- Xây dựng phong cách lao động có kỷ luật
 - ✓ Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, kỷ luật công nghệ và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp ở trên từng phương tiện thiết bị, từng công trường, nhà máy,... và trước hết ở cơ quan điều hành.
 - ✓ Phong cách làm việc tiên tiến, công nghiệp, sáng tạo, vượt lên mọi khó khăn.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh
 - ✓ Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, bạn hàng.
 - ✓ Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng.
- Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa
 - ✓ Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước của Tổng công ty và các công ty con.
 - ✓ Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thăm quan, nghỉ mát cho tập thể lao động, quan tâm đầy đủ đến đời sống tinh thần của cán bộ nhân viên.
 - ✓ Chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Tổng công ty và các công ty con, từ các cơ sở, tổ chức tuyên truyền vận động và triển khai bằng các phong trào cụ thể.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Tổng công ty qua các năm 2011, 2012, 2013; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Tổng công ty giai đoạn 2014 - 2015, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Tổng công ty được xây dựng trong năm 2014 -2015 là hợp lý.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Tổng công ty. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Nhà nước tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Tổng công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2014

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN TẠI
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Đã ký)

PHẠM DŨNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

CÁN HỒNG LAI

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN THỎA THUẬN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

VŨ ĐỨC TIẾN